

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 55/2022/DS-ST  
Ngày: 15-4-2022  
V/v: “T/c HĐ mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Tuyết Mai

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Tô Tấn Cường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

***Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐDS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2022; của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Cáp Văn Th1, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Chị Lê Võ Hồng Ph1, sinh năm 1987.

Người đại diện hợp pháp của chị Phương: là anh Nguyễn Ngọc L—đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền ngày 08-12-2021.

Đồng trú: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại các bản khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Nguyễn đơn Nguyễn Ngọc L trình bày: Anh là nhân viên bán cảm gia cầm cho Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Con Heo Vàng, còn vợ chồng anh Cáp Văn Th1, Nguyễn Thị*

Mỹ Th là người chăn nuôi. Từ ngày 25-3-2020 anh có bán cám cho vợ chồng anh Th1, chị Th ở Thôn T1, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định, anh Th1 liên hệ trực tiếp với anh, anh giao hàng cho anh Th1 không liên quan đến Công ty, anh chịu trách nhiệm trực tiếp với công ty đối với số hàng xuất ra, phương thức thanh toán 100% khi giao hàng cho công ty. Tuy nhiên do muốn bán được hàng nên anh với vợ chồng anh Th1, chị Th thỏa thuận cho gởi đầu 01 tấn cám, nhưng anh phải lấy tiền lương của anh để bảo đảm với Công ty khoản nợ này. Từ đó đến nay mua bán rất nhiều lần, có lần đưa tiền có lần nợ. Từ Ngày 25-3-2020 đến 06-6-2020 chị Th, anh Th1 nợ 15.990.000đ đến 15-12-2020 chị Th ký xác nhận vào sổ nợ; Ngày 02-02-2021 anh giao anh Th1, chị Th 02 tấn cám giá 18.130.000đ, có lái xe là anh Nguyễn Bảo Việt chở 02 tấn cám đến cho vợ chồng anh Th1, chị Th. Khi bỏ cám anh Việt là người vác cám xuống, khi bỏ xong tính thành tiền là 18.130.000đ, lúc này chị Th trả cho anh 10.000.000đ còn nợ lại 8.130.000đ. Tại thời điểm này có anh Việt lái xe bỏ hàng cùng với anh là người chứng kiến sự việc diễn ra. Ngày 06-5-2021 chị Th trả cho anh 10.000.000đ và ngày 03-6-2021 chị Th trả 4.120.000đ. Như vậy anh Th1, chị Th còn nợ 10.000.000đ, từ đó anh đã đòi nợ nhiều lần, anh Th1 yêu cầu anh viết giấy nhận tiền của chị Th bao nhiêu mới đồng ý trả 10.000.000đ, nhưng khi anh yêu cầu trả rồi anh viết giấy thì anh Th1, chị Th không đồng ý. Vì thế anh báo công ty về khoản tiền chưa thu được của khách hàng nên chưa nộp về công ty, do đó kế toán công ty kiểm chứng và có gọi điện thoại cho anh Th1 để xác nhận thì anh Th1 thừa nhận mới trả 10.000.000đ còn nợ 8.130.000đ cho chuyển hàng cuối cùng. Hiện nay vợ chồng anh Th1, chị Th không còn mua bán với nhau nữa, số nợ vẫn chưa trả cho anh. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Th1, chị Th phải trả cho vợ chồng anh số tiền 10.000.000đ còn nợ nói trên. Ngoài ra anh L không ý kiến trình bày gì và không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Th có bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị Th trình bày:* Giữa chị và anh Nguyễn Ngọc L có mua bán cám như anh L trình bày là đúng. Vào ngày 15-12-2020 chị có ký xác nhận còn nợ tiền cám là 15.990.000đ. Đến ngày 02-02-2021 chị có nhận cám của anh L 02 tấn, sau đó chồng chị là anh Th1 bảo chị lấy tiền đưa đủ cho anh L hơn 18.000.000đ, thiếu mấy chục ngàn chị đi mượn để đưa chuyển cuối năm, anh L nhận đủ tiền còn chúc vợ chồng ăn tết vui vẻ. Sau đó chị có trả cho anh L 10.000.000đ và đến 01 tháng sau chị có trả tiếp cho anh L số tiền còn nợ lại gần 6.000.000đ (chị không nhớ số lẻ vì không có lưu sổ và lâu rồi không nhớ rõ) chứ không phải trả 4.120.000đ như anh L trình bày. Nay anh L đòi 10.000.000đ chị không đồng ý, vì chị đã trả đủ tiền cho anh L và hết nợ. Ngoài ra chị không ý kiến trình bày gì và không yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cáp Văn Th1 có bản khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày:* Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ Th, anh thống nhất những lời khai của vợ anh ở trên là đúng. Vợ chồng anh chỉ giao dịch với anh L mà không liên quan gì đến công ty, vì anh mua cám trả tiền cho anh L, hết cám anh gọi anh L giao, còn anh nợ tiền anh L là để ràng buộc nghĩa vụ cung cấp của anh L đối với anh. Vào ngày 02/02/2021 anh L có chở bán cho anh 02 tấn cám như anh L trình bày ở trên là đúng. Vì đây là chuyển cám cuối cùng nên nhận bao

nhiều cám thì anh bảo vợ anh là Nguyễn Thị Mỹ Thậy tiền giao trả đủ cho anh L. Số tiền trả hôm đó là trên 18 triệu đồng, anh không có ký và cũng không lưu sổ nên lâu rồi anh đã quên số lẻ, chỉ nhớ hôm đó là trên 18.000.000đ. Nay anh L đòi 10.000.000đ anh không đồng ý, anh đã trả đủ tiền cho anh L và hết nợ. Đối với việc anh có nói với anh L còn nợ anh L 10 triệu đồng là có thật vì anh biết anh L đang giữ sổ giấy nợ do vợ anh ký hơn 24.000.000đ, anh muốn anh L viết giấy nhận tiền của vợ anh bao nhiêu hoặc anh L phải trả lại cho anh hai giấy nhận nợ thì anh sẽ trả 10.000.000đ đó. Còn việc anh có trả lời điện thoại của kế toán công ty là trả 10.000.000đ cho chuyển hàng cuối ngày 02-02-2021 là có thật, nhưng việc anh nói chơi không liên quan đến công ty. Hiện tại anh yêu cầu anh L xác nhận đã nhận của vợ anh bao nhiêu tiền để trả nợ cho số tiền vợ anh đã xác nhận nợ. Vì anh không biết anh L đã nhận của vợ anh bao nhiêu tiền trong giấy nợ mà anh L đang giữ. Còn việc anh L yêu cầu trả 10.000.000đ thì anh không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Lê Võ Hồng Ph1, sinh năm 1987. Chị Phương ủy quyền cho chồng là anh Nguyễn Ngọc Ltheo giấy ủy quyền ngày 08/12/2021 trình bày: Chị Phương thống nhất ý kiến của anh L.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ tháng 3 năm 2020 anh Nguyễn Ngọc L là nhân viên công ty cổ phần Aproxic (con heo vàng) tại KCN Phú Tài – Qui Nhơn- Bình Định đã bán cám thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng chị Th và anh Th1 tại Thôn T1, xã P1, huyện T. Phương thức mua bán thanh toán bằng tiền mặt có lần trả tiền đủ có lần anh L cho nợ (anh L tự ứng tiền cá nhân thanh toán đủ tiền hàng cho công ty nên cho khách hàng mua nợ). Từ ngày 25-3-2020 đến ngày 06-6-2020 chị Th mua cám còn nợ 15.990.000 đồng (chị Th có ký giấy xác nhận nợ). Ngày 02-02-2021 anh L bán cho vợ chồng chị Th anh Th1 2 tấn cám với giá 18.130.000 đồng, chị Th thanh toán chỉ trả bằng tiền mặt 10.000.000 đồng còn nợ lại 8.130.000 đồng. Đối với số tiền này chị Th không có ký giấy nhận nợ, khẳng định là đã trả đủ tiền mặt cho anh L nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th1 là người đưa tiền cho chị Th giao tiền cho anh L xác nhận chỉ đưa cho chị Th 10.000.000 đồng trả tiền cám còn nợ lại 8.130.000 đồng là phù hợp ý kiến trình bày của anh L nên được xem là chứng cứ tại phiên tòa. Như vậy tính đến ngày 02-02-2021 chị Th, anh Th1 còn nợ anh L số tiền 24.120.000 đồng. Sau đó vợ chồng anh Th1 chị Th có trả cho anh L 2 lần 1 lần 10.000.000 đồng vào ngày 06-5-2021 và ngày 03-6-2021 trả 4.120.000 đồng. Đối với 2 lần trả nợ này không có giấy ghi nhận của vợ chồng chị Th, anh Th1 xuất trình nhưng anh L thừa nhận là chứng cứ có lợi cho bị đơn nên được xem xét. Hiện tại anh L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ Th và anh Cáp Văn Th1 có nghĩa vụ trả đủ cho anh L 1 lần 10.000.000 đồng là có căn cứ. Căn cứ vào các Điều 430, 440 BLDS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Th và anh Th1 có nghĩa vụ trả đủ cho anh L một lần số tiền 10.000.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

1] Về thủ tục tố tụng : Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án :

[2].1 Xét yêu cầu của vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Lyêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ Th và anh Cáp Văn Th1 trả số tiền mua cám còn nợ 10.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh L và vợ chồng anh Th1, chị Th có quan hệ mua bán cám thức ăn gia cầm trực tiếp với nhau, không thông qua công ty là có thật, chị Nguyễn Thị Mỹ Thành xác nhận nợ anh L số tiền là 15.990.000đ vào ngày 15-12-2020 trong sổ nợ là có thật, đến ngày 02-02-2021 anh L tiếp tục bán cho vợ chồng anh Th1 2 tấn cám trị giá 18.130.000đ, các bên đều thừa nhận. Tuy nhiên việc chị Th cho rằng đã trả đủ số tiền 18.130.000đ cho lần cuối cùng mua cám và trả hai lần nữa hơn 16.000.000đ, không yêu cầu anh L xác nhận trả nợ mà giấy nợ vẫn còn, nhưng anh L chỉ thừa nhận nhận 03 lần tổng cộng 24.120.000đ, nên anh L cho rằng chị Th, anh Th1 vẫn còn nợ anh 10.000.000đ. Trong khi đó tại phiên tòa anh Th1 thừa nhận với anh L còn nợ 10.000.000đ khi anh L đến đòi nợ, vì anh Th1 cho rằng cần lấy lại giấy nhận nợ của vợ anh, và anh Th1 khai xác nhận với kế toán công ty trả 10.000.000đ cho đơn hàng cuối cùng ngày 02-02-2021. Như vậy lời khai của anh Th1 là phù hợp với lời khai của anh L để khẳng định rằng vợ chồng chị Th, anh Th1 còn nợ đơn hàng cuối là 8.130.000đ, nợ cũ là 1.870.000đ, nên anh Th1, chị Th còn nợ anh L tổng cộng là 10.000.000đ là có căn cứ. Nên buộc vợ chồng chị Th, anh Th1 phải trả cho vợ chồng anh L, chị Phương số tiền còn nợ là 10.000.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 26, Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Th1 , chị Th cùng phải chịu 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho anh L tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 35, 39, 217, 227, 228, 233 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc L. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ Th và anh Cáp Văn Th1 cùng có nghĩa vụ phải trả số tiền 10.000.000đ( Mười triệu đồng) mua cầm còn nợ, cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Võ Hồng Ph1.

2. Về án phí DSST: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Mỹ Th và anh Cáp Văn Th1 cùng phải chịu 500.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho anh L 330.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005961, ngày 07-12-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15-4-2022).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**

